

Số: 1354/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động
trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 152/TTr- SLĐT BXH ngày 17 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các hòa giải viên lao động tỉnh Sơn La; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Tráng Thị Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số: 1354 /QĐ-UBND ngày 26 /7 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tiêu chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của hòa giải viên lao động; việc cử hòa giải viên lao động giải quyết các vụ tranh chấp lao động; phân cấp quản lý hòa giải viên lao động; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động.

2. Hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố (gọi tắt là Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện); các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Phạm vi hoạt động của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố nào quản lý thì hoạt động trên địa bàn đó.

2. Trường hợp cần thiết, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để giới thiệu cử hòa giải viên lao động của địa phương khác hỗ trợ giải quyết tranh chấp lao động.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ, CHẾ ĐỘ, ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 3. Nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ theo quy định, bao gồm:
 - a) Hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề;
 - b) Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

2. Nhiệm vụ hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh bao gồm một số hoạt động như sau:

- a) Hỗ trợ người lao động, tổ chức đại diện người lao động, người sử dụng lao động đối thoại, thương lượng tập thể;

b) Hỗ trợ tư vấn pháp luật cho tổ chức đại diện của người lao động tại cơ sở;
 c) Tham gia xử lý các vụ đình công không đúng trình tự pháp luật theo phân công;
 d) Tham gia thu thập thông tin về quan hệ lao động, phối hợp xây dựng hệ thống quản lý vụ việc hòa giải tranh chấp lao động.

e) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do hòa giải viên lao động trực tiếp giải quyết; kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý hòa giải viên những vấn đề phát sinh;

g) Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng và hoàn thiện các công cụ quản trị theo quy định của pháp luật lao động;

h) Theo dõi, hỗ trợ phát triển tình hình quan hệ lao động trên địa bàn, khu công nghiệp hoặc một số doanh nghiệp có đông lao động hoặc có quan hệ lao động phức tạp theo phân công.

Điều 4. Quyền của hòa giải viên lao động

1. Quyền yêu cầu các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ, trưng cầu giám định, mời người làm chứng và người có liên quan.

2. Quyền hỗ trợ các bên thương lượng, thỏa thuận và đề xuất phương án giải quyết tranh chấp lao động để các bên thương lượng, thỏa thuận.

3. Quyền tham khảo ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về lĩnh vực tranh chấp.

4. Được hưởng các chế độ, điều kiện làm việc theo quy định.

Điều 5. Nghĩa vụ của hòa giải viên lao động

1. Thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động và tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Tuân thủ quy trình, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Tuân thủ quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động theo quy định của pháp luật, Quy chế này và quy trình tiếp nhận, yêu cầu xử lý giải quyết tranh chấp lao động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Không được từ chối nhiệm vụ khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc hỗ trợ phát triển quan hệ lao động mà không có lý do chính đáng. Trường hợp được coi là lý do chính đáng theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019.

5. Không được nhận tiền, lợi ích từ các bên tranh chấp, chủ thể có liên quan hoặc có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích của các bên hoặc lợi ích của nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo (định kỳ, đột xuất, vụ việc).

Điều 6. Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động

Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động được thực hiện theo quy định tại Điều 96 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 145/2020/NĐ-CP).

Chương III

**TIÊU CHUẨN, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI,
MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG**

Điều 7. Tiêu chuẩn của hòa giải viên lao động

Tiêu chuẩn của hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 92 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động

1. Trình tự và thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động được thực hiện theo quy định tại Điều 93 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm hòa giải viên lao động được thực hiện theo quy định Điều 94 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

Chương IV

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ CỬ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 9. Thẩm quyền cử hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đề cử thực hiện nhiệm vụ hòa giải các tranh chấp lao động trên địa bàn quản lý.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giới thiệu cử hòa giải viên lao động từ các huyện, thành phố trong trường hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố đề nghị hỗ trợ giải quyết tranh chấp lao động.

Điều 10. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động

Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động như sau:

1. Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động được gửi đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc hòa giải viên lao động.

Trường hợp Hòa giải viên lao động trực tiếp nhận đơn yêu cầu từ đối tượng tranh chấp đề nghị giải quyết thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, hòa giải viên lao động phải chuyển cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đang quản lý hòa giải viên lao động để phân loại xử lý.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, theo phân cấp quản lý Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phân loại và có văn bản cử hòa giải viên lao động giải quyết theo quy định.

Trường hợp tiếp nhận đơn từ hòa giải viên lao động thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, theo phân cấp quản lý, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ra văn bản cử hòa giải viên lao động theo quy định.

3. Tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có thể cử một hoặc một số Hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết.

4. Trường hợp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động được gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển đơn về huyện, thành phố nơi doanh nghiệp hoặc người lao động thuộc địa bàn quản lý để giải quyết.

Chương V

NGUYÊN TẮC, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH HÒA GIẢI TRANH CHẤP LAO ĐỘNG

Điều 11. Nguyên tắc hòa giải tranh chấp lao động

Nguyên tắc hòa giải tranh chấp lao động thực hiện theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Lao động năm 2019.

Điều 12. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động

1. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân được thực hiện theo Điều 188 Bộ Luật Lao động.

2. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động tập thể về quyền thực hiện theo Điều 192 Bộ luật lao động.

3. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động tập thể về lợi ích thực hiện theo Điều 196 Bộ luật lao động.

Điều 13. Các bước tiến hành hòa giải

Việc tiến hành hòa giải được thực hiện theo các bước sau:

1. Xác định thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp (còn thời hiệu hay đã hết thời hiệu).

2. Tìm hiểu vụ việc các bên tranh chấp:

a) Xác định rõ tính chất và mức độ phức tạp của vụ việc, tìm hiểu và làm rõ nội dung tranh chấp, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp.

b) Thu thập các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

c) Hòa giải viên lao động yêu cầu các bên có liên quan cung cấp các tài liệu, văn bản, chứng cứ có liên quan đến tranh chấp; tham khảo thêm ý kiến của đại diện tập thể lao động tại cơ sở và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý người lao động (tổ, đội, phân xưởng, phòng ban).

3. Tổ chức hợp hòa giải:

a) Tại phiên hợp hòa giải phải có mặt hai bên tranh chấp. Các bên tranh chấp có thể ủy quyền cho người khác tham gia phiên hợp hòa giải. Các bên phát biểu và nêu ý kiến, quan điểm của mình về vụ việc xảy ra.

b) Căn cứ các quy định của pháp luật lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy chế nội bộ khác của doanh nghiệp, hòa giải viên lao động phân tích những vấn đề đúng/sai trong hành vi của hai bên để gợi ý cho các bên tiến hành thương lượng, thỏa thuận.

c) Trường hợp các bên thỏa thuận được, hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

d) Trường hợp các bên không thỏa thuận được, hòa giải viên lao động đưa ra phương án hòa giải để các bên xem xét. Trường hợp các bên chấp nhận phương án hòa giải thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

đ) Trường hợp phương án hòa giải không được chấp nhận hoặc có bên tranh chấp đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải không thành. Biên bản hòa giải không thành phải có chữ ký của bên tranh chấp có mặt và hòa giải viên lao động.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm

- Tổng hợp kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động của các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để xây dựng thành kế hoạch chung của toàn tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Thông báo công khai việc tuyển chọn hòa giải viên lao động trên địa bàn thông qua phương tiện thông tin đại chúng; tiếp nhận hồ sơ đăng ký, giới thiệu tuyển chọn hòa giải viên lao động của các ứng viên; thẩm định các hồ sơ dự tuyển, lựa chọn và lập danh sách vị trí bổ nhiệm của từng hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, bổ nhiệm; công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Quản lý hòa giải viên theo phân cấp quản lý.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố có trách nhiệm

- Quý I hằng năm, rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý để lập kế hoạch và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 31 tháng 3 hằng năm;

- Phối hợp thông báo công khai việc tuyển chọn hòa giải viên lao động trên địa bàn các huyện, thành phố; tiếp nhận hồ sơ đăng ký, giới thiệu tuyển chọn hòa giải viên lao động của các ứng viên; rà soát người đủ tiêu chuẩn, tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định; công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Quản lý hòa giải viên theo phân cấp quản lý.

3. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm

- Tuân thủ quy định của pháp luật lao động về thẩm quyền, trình tự, thủ tục hòa giải đối với từng loại tranh chấp lao động; các nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động khi thực hiện hòa giải tranh chấp lao động.

- Báo cáo tiến độ, tình hình giải quyết các tranh chấp được phân công và kết quả hoạt động định kỳ, đột xuất với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; theo yêu cầu của người hoặc cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của các bên tranh chấp: Cung cấp tài liệu, chứng cứ, trưng cầu giám định, mời người làm chứng có liên quan theo quy định tại Điều 183 Bộ luật Lao động.

5. Quy chế này được triển khai đến các Hòa giải viên lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Trường hợp các Điều, Khoản, Văn bản viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, thì sẽ áp dụng những nội dung đã sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đó. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.